| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 58/2025/DS-ST
Ngày: 26-12-2025
V/v tranh chấp thực hiện nghĩa vụ thanh toán

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Mỹ Dung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lưu Trọng Kim

2. Bà Nguyễn Thị Bình

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn Sang, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2025 về Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2025/QĐXXST-DS ngày 18/11/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2025/QĐST-DS ngày 11/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1964 và bà Trần Thị M, sinh năm 1973; Cùng nơi thường trú: Tổ M, thôn V 2, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1962; Hộ khẩu thường trú: Tổ B, thôn V 4, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nơi cư trú hiện nay: Số nhà M đường B, thôn Đ 8, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Hoài O, sinh năm 1987; Hộ khẩu thường trú: Tổ B, thôn V 4, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nơi cư trú hiện nay: Thôn Đ 2, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Đ, bà M có mặt. Ông H, bà O vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện không đề ngày được Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng nhận ngày 15/9/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị M trình bày:

Vợ chồng ông Phạm Văn Đ, bà Trần Thị M là chủ cơ sở sản xuất gạch có trụ sở tại thôn M, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là thôn V 1, xã Đ, tỉnh Lâm

Đồng). Vợ chồng ông, bà thường xuyên bán gạch cho ông Trần Văn H rất nhiều năm nay. Vì là khách hàng thân quen nên vợ chồng ông, bà đã nhiều lần cho ông H mua gạch thiếu tiền. Đến ngày 22/8/2024 vợ chồng ông, bà và ông Trần Văn H đã chốt lại sổ nợ với nhau, số tiền ông H còn nợ lại vợ chồng ông, bà là 299.520.000 (hai trăm chín mươi chín triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng. Sau đó, ông Trần Văn H tiếp tục mua gạch của vợ chồng ông, bà và tiếp tục nợ lại, cụ thể như sau:

Ngày 23/8/2024, ông H nợ tiền mua gạch là 8.700.000 (tám triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Ngày 26/8/2024, ông H nợ tiền mua gạch là 8.700.000 (tám triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Ngày 28/8/2024, ông H nợ tiền mua gạch là 9.280.000 (chín triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng.

Ngày 29/8/2024, ông H nhờ con gái là bà Trần Thị Hoài O chuyển khoản trả cho vợ chồng ông Đ, bà M số tiền 48.000.000 (bốn mươi tám triệu) đồng.

Ngày 03/9/2024, ông H nợ tiền mua gạch là 8.700.000 (tám triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Ngày 04/9/2024, ông H nợ tiền mua gạch là 8.700.000 (tám triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Ngày 05/9/2024, ông H nợ tiền mua gạch là 8.670.000 (tám triệu sáu trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Ngày 15/9/2024, ông H nhờ con gái là bà Trần Thị Hoài O chuyển khoản trả cho vợ chồng ông Đ, bà M số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

Ngày 22/9/2024, ông H nợ tiền mua gạch là 8.700.000 (tám triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Ngày 26/9/2024, ông H nợ tiền mua gạch là 8.700.000 (tám triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Ngày 02/10/2024, ông H nợ tiền mua gạch là 9.280.000 (chín triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng.

Ngày 08/10/2024, ông H nhờ con gái là bà Trần Thị Hoài O chuyển khoản trả cho vợ chồng ông Đ, bà M số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Ngày 10/10/2024, ông H nợ tiền mua gạch là 8.410.000 (tám triệu bốn trăm mười nghìn) đồng.

Ngày 13/10/2024, ông H nợ tiền mua gạch là 8.700.000 (tám triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Ngày 29/9/2024, ông H nợ tiền mua gạch là 9.280.000 (chín triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng.

Ngày 21/10/2024, ông H trả tiền mặt cho vợ chồng ông Đ, bà M số tiền là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Tính đến hết ngày 21/10/2024, ông H còn nợ lại tiền gạch của vợ chồng ông Đ, bà M là 242.340.000 đồng. Từ đó đến nay vợ chồng ông Đ, bà M đã nhiều lần liên lạc với ông H và đến nhà của ông H, nhưng ông H vẫn né tránh, hứa hẹn lần này đến lần khác không chịu trả nợ.

Nay ông Đ, bà M đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng giải quyết buộc ông Trần Văn H phải trả cho vợ chồng ông, bà số tiền nợ là 242.340.000 (hai trăm bốn mươi hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn) đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật về lãi suất vay kể từ ngày 22/10/2024 cho đến khi xét xử vụ án.

Ngoài ra, ông Đ, bà M yêu cầu ông Trần Văn H còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc là 242.340.000 (hai trăm bốn mươi hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn) đồng cho đến khi trả hết nợ cho vợ chồng ông, bà.

Tại phiên tòa, ông Đ, bà M trình bày: Trước đây, khi đến nhà ông H để đối chiếu nợ, vợ chồng ông Đ, bà M đã mượn sổ ghi nợ của ông H mang về nhà. Sau khi đối chiếu, ông Đ, bà M thấy rằng sổ ghi nợ của ông H và sổ ghi nợ của ông, bà là trùng khớp về thời gian mua gạch, số lượng gạch, số tiền nợ cũng như số tiền ông H đã trả nợ cho ông Đ, bà M. Theo nội dung trong 02 quyển sổ, tính đến hết ngày 21/10/2024, ông H còn nợ lại tiền gạch của vợ chồng ông Đ, bà M là 242.340.000 đồng. Hiện nay, ông Đ, bà M đang giữ sổ ghi nợ của ông H. Theo ông Đ, bà M, vào ngày 15/4/2025, ông bà có đến nhà ông H để yêu cầu trả số tiền nợ nhưng ông H không có tiền và hẹn khi nào thu hồi nợ sẽ trả.

Ông Đ, bà M trình bày, ông H giao dịch mua hàng hóa với tư cách cá nhân nên chỉ yêu cầu cá nhân ông H thanh toán nợ. Ông, bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông Trần Văn H phải trả cho vợ chồng ông, bà số tiền nợ là 242.340.000 (hai trăm bốn mươi hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn) đồng và tiền lãi kể từ ngày 01/5/2025 đến ngày 26/12/2025 là 08 tháng (01 tháng bằng 30 ngày) trên mức lãi suất 10%/năm là 16.091.376 (Mười sáu triệu không trăm chín mươi mốt nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng). Ông Trần Văn H còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc là 242.340.000 (hai trăm bốn mươi hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn) đồng từ ngày 27/12/2025 cho đến khi trả hết nợ.

- Bị đơn ông Trần Văn H trong suốt quá trình tố tụng không đến Tòa án làm việc mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông.

Ông H có gửi đến Tòa án 01 bản tường trình đề ngày 10/10/2025, trong đó ông H thừa nhận ngày 21/10/2024, vợ chồng ông Đ đến nhà ông ở Võ Đất để thu nợ, ông H lấy sổ nợ ra đối chiếu và thanh toán 60.000.000 đồng tiền mặt, còn lại nợ 242.340.000 đồng; trong tháng 4 năm 2025, vợ chồng ông Đ có đến nhà đòi nợ và yêu cầu ông H sớm sắp xếp trả tiền nếu không sẽ khởi kiện ra Tòa án và tính cả lãi, ông H có nói để thu hồi nợ rồi thanh toán. Bên cạnh đó, ông H cho rằng nội dung đơn khởi kiện của ông Đ là chưa phản ánh đúng sự thật. Theo ông, vào ngày 21 tháng 10 năm 2024, vợ chồng ông Đ, bà M có đến nhà ông, mang theo sổ ghi chép, và ông đã thanh toán 60 triệu đồng tiền mặt cho ông Đ, bà M. Từ đó đến nay, sổ ghi chép của ông vẫn do ông Đ, bà M giữ. Theo ông H, trước khi khởi kiện, hai bên nên cùng ngồi lại đối chiếu sổ sách rõ ràng: xác định tổng số nợ ban đầu, các

khoản đã thanh toán và số còn lại. Sau khi thống nhất, hai bên cùng ký xác nhận, khi đó việc khởi kiện mới là hợp lý. Ông cho rằng, khi ông thu được nợ bao nhiêu, ông sẽ thanh toán bấy nhiêu; nếu bán được đất, ông sẽ trả hết toàn bộ số nợ. Hiện nay ông đã 63 tuổi, có hơn 45 năm làm nghề tài xế, đang cố gắng bươn chải để lo cho cuộc sống gia đình, vợ chồng, con cháu; đồng thời trả nợ ngân hàng, tín dụng Vũ Hòa, các khoản vay nóng, vay góp bên ngoài. Việc làm ăn hiện nay không có vốn, hoàn toàn tự lực, trong khi kinh tế ngày càng khó khăn, thu nhập ít, chi phí nhiều, dẫn đến nhiều thất bại và phát sinh thêm nợ nần.

Ngày 12/11/2025, qua đường bưu điện, Tòa án nhận được 01 Đơn yêu cầu đề ngày 10/11/2025 của ông Trần Văn H với nội dung: "*Hôm nay, tôi làm đơn yêu cầu này về việc nợ nần và mua bán gạch ngói giữa tôi và lò gạch Đ M. Nay tòa án gửi giấy triệu tập tôi xuống tòa án. Tôi mua gạch lò Đ M từ năm 2019, cho đến tháng 3/2025. Ngày 21/10/2025, Đ M lên nhà tôi kết sổ, tôi đã trả nợ 60.000.000 đồng tiền mặt. Sau đó, Đ M cầm luôn sổ nợ của tôi về đối chiếu xem có đúng không. Cho tới nay vẫn chưa trả lại, mà còn lấy sổ nợ của tôi đem đi khởi kiện, điều này khó mà có thể chấp nhận được. Vậy, nay tôi yêu cầu nguyên đơn Đ M, đem sổ bán của lò Đ M và trả lại sổ mua của tôi - lên nhà tôi, hai bên cùng đối chiếu. Đúng số nợ, tôi sẽ vay mượn để trả lại cho Đ M. Nếu tôi không vay mượn được trả cho lò Đ M thì đưa ra xét xử theo bộ pháp luật tôi cũng cam chịu. Nay tôi làm đơn yêu cầu này, kính mong tòa án các cấp xem xét và giải quyết cho nguyện vọng của tôi. Cảm ơn! Chính vì lẽ yêu cầu trên, bây giờ tòa có triệu tập, thì tôi cũng không đi.*"

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/10/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Hoài O trình bày: Bà O là con gái ruột của ông Trần Văn H, sinh năm 1963. Ông Trần Văn H có đăng ký thường trú tại thôn V 4, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng, tuy nhiên từ năm 2010, ông H thực tế sinh sống tại nhà M đường B, thôn Đ 8, xã H, tỉnh Lâm Đồng, không đăng ký thường trú, tạm trú tại xã H. Ông Trần Văn H đã nhận được các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; giấy yêu cầu cung cấp chứng cứ cũng như giấy triệu tập mời lên tòa án làm việc vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 27/10/2025, nhưng do vợ chồng ông Đ tự ý khởi kiện mà chưa chốt công nợ với ông H; sau khi mượn sổ để đối chiếu nợ thì ông Đ giữ luôn sổ không trả lại cho ông H. Trong đơn khởi kiện, ông Đ trình bày ông H luôn lẩn tránh không trả nợ cho ông Đ là không đúng sự thật. Do đó, ông H không đến Tòa án để làm việc. Khi nào ông Đ trả lại sổ và chốt công nợ với ông H thì lúc đó ông H mới trả tiền cho ông Đ.

Trong quá trình mua gạch của ông Đ, thì cha của bà O là ông Trần Văn H có nhờ bà O chuyển khoản trả nợ cho ông Đ và bà M 03 lần, bằng tài khoản số 0621000479898 đứng tên Trần Thị Hoài O mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam chuyển vào tài khoản số 104005727746 tên Phạm Văn Đ mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, cụ thể như sau:

Vào ngày 01/09/2024, chuyển khoản số tiền 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng).

Vào ngày 17/09/2024, chuyển khoản số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Vào ngày 08/10/2024, chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Tổng số tiền mà ông H chuyển khoản trả nợ tiền gạch cho ông Đ qua tài khoản ngân hàng là 103.000.000 đồng. Số tiền mà ông H dùng chuyển vào tài khoản của ông Đ là tiền của ông Trần Văn H dùng để trả nợ tiền mua gạch cho vợ chồng ông Đ. Giữa bà O và ông Đ hoàn toàn không có phát sinh giao dịch dân sự gì và bà O không có liên quan gì đến vụ án tranh chấp giữa các bên nên bà từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt bà.

- Biên bản xác minh ngày 14/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng đối với nơi cư trú của ông Trần Văn H tại Công an xã Đ (Trước đây là Công an xã V) có nội dung như sau: Ông Trần Văn H, sinh năm 1962, số căn cước 03xxxxxxxxx, có đăng ký thường trú tại số H đường Đ, tổ B, thôn B, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Con gái ông H tên Trần Thị Hoài O, sinh năm 1987.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Hoài O đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 11/12/2025 và ngày 26/12/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà O là đúng quy định.

+ Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận giữa nguyên đơn và bị đơn có mối quan hệ mua bán gạch. Nguyên đơn thừa nhận ngày 22/8/2024, các bên đã chốt nợ với số tiền 299.520.000 đồng. Sau đó ông H tiếp tục nhiều lần mua gạch nợ tiền của ông Đ, bà M. Nguyên đơn thừa nhận ông H đã trả tiền nợ được 04 lần, cụ thể: ngày 29/8/2024, ông H nhờ bà O chuyển khoản trả cho nguyên đơn số tiền 48.000.000 đồng; ngày 15/9/2024, ông H nhờ bà O chuyển khoản trả cho nguyên đơn số tiền 25.000.000 đồng; ngày 08/10/2024, ông H nhờ bà O chuyển khoản trả cho nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng; ngày 21/10/2024, ông H trả tiền mặt cho nguyên đơn số tiền là 60.000.000 đồng. Tính đến ngày 21/10/2024, ông H còn nợ ông Đ, bà M số tiền 242.340.000 đồng. Theo tài liệu do nguyên đơn cung cấp là 02 sổ nợ thì số tiền nợ tính đến ngày 21/10/2024 là trùng khớp. Bị đơn ông H thừa nhận: ngày 21/10/2024, vợ chồng ông Đ đến nhà ông ở Võ Đất để thu nợ, ông H lấy sổ nợ ra đối chiếu và thanh toán 60.000.000 đồng tiền mặt, còn lại nợ 242.340.000 đồng; trong tháng 4 năm 2025, vợ chồng ông Đ có đến nhà đòi nợ và yêu cầu ông H sớm sắp xếp trả tiền nếu không sẽ khởi kiện ra Tòa án và tính cả lãi. Như vậy, thực tế giữa hai bên có quan hệ mua bán hàng hóa và số tiền ông H còn nợ tính đến ngày 21/10/2024 là 242.340.000 đồng. Nguyên đơn trình bày ông H giao dịch mua hàng hóa với tư cách cá nhân nên chỉ yêu cầu cá nhân ông H thanh toán nợ. Về yêu cầu tính lãi: Bị đơn ông H thừa nhận trong tháng 4 năm 2025, vợ chồng ông Đ có đến nhà ông H yêu cầu trả tiền nợ, như vậy, việc nguyên đơn trình bày có thông báo

cho bị đơn phải thanh toán nợ vào tháng 4 năm 2025 là có cơ sở, từ đó, có căn cứ tính lãi từ ngày 01/5/2025 đến ngày 26/12/2025 với mức lãi 10%/năm là số tiền 16.091.376 đồng. Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông Trần Văn H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Trần Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Hoài O đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 11/12/2025 và ngày 26/12/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà O là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng giải quyết buộc ông Trần Văn H phải thanh toán số tiền nợ 242.340.000 đồng cùng tiền lãi tính từ ngày 01/5/2025 đến ngày 26/12/2025 là 16.091.376 đồng. Tổng cộng là 258.431.376 đồng.

Nộp kèm là 01 bản phô tô Giấy ghi nợ được đối chiếu bản chính; 01 bản chính sổ ghi nợ.

[3] Theo Sổ ghi nợ của nguyên đơn ghi chép nợ của ông Trần Văn H do nguyên đơn cung cấp, tại Bút lục 25 thể hiện nội dung: Ngày 22/8/2024, ông H ký tên chốt nợ với số tiền 299.520.000 đồng. Phía dưới, theo thứ tự được ghi như sau:

Ngày 23/8/2024, 15.000 x 580 = 8.700.000.

Ngày 26/8/2024, 15.000 x 580 = 8.700.000

Ngày 28/8/2024, 16.000 x 580 = 9.280.000

Ngày 03/9/2024, 15.000 x 580 = 8.700.000

Ngày 04/9/2024, 15.000 x 580 = 8.700.000

Ngày 05/9/2024, 15.000 x 580 = 8.670.000

Ngày 22/9/2024, 15.000 x 580 = 8.700.000

Ngày 26/9/2024, 15.000 x 580 = 8.700.000

Ngày 02/10/2024, 16.000 x 580 = 9.280.000

Ngày 10/10/2024, 14.500 x 580 = 8.410.000

Ngày 13/10/2024, 15.000 x 580 = 8.700.000

Ngày 29/9/2024, 16.000 x 580 = 9.280.000

Tổng mới 105.820.000 đ

Ngày 22/8/2024 nợ cũ + 299.520.000 đ

Tổng 405.340.000 đ

Ngày 29/8/2024, chuyển khoản 48.000.000

Ngày 15/9/2024 chuyển khoản 25.000.000

Ngày 08/10/2024 chuyển khoản 30.000.000 đ

Ngày 21/10/2024 trả tiền mặt 60.000.000 đ

Ngày 21/10/2024 Hùng Kim còn nợ 242.340.000 đ

Như vậy, theo quyển sổ nợ do nguyên đơn ghi, thì ông Trần Văn H có ký tên, ghi rõ họ tên xác nhận số tiền còn nợ đến ngày 22/8/2024 là 299.520.000 đồng.

[3.1] Quá trình tố tụng, ông H không đến Tòa án làm việc, không xuất trình tài liệu, chứng cứ nào, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập đến làm việc và có ban hành Giấy yêu cầu cung cấp chứng cứ gửi cho ông H. Ông H chỉ gửi đến Tòa án ý kiến của mình thể hiện tại bản tường trình ngày 10/10/2025, thừa nhận ngày 21/10/2024, vợ chồng ông Đ đến nhà ông ở Võ Đất để thu nợ, ông H lấy sổ nợ ra đối chiếu và thanh toán 60.000.000 đồng tiền mặt, còn lại nợ 242.340.000 đồng. Như vậy, đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3.2] Ngoài ra, bị đơn ông H trình bày sổ ghi nợ của ông tự ghi hiện nay đang do nguyên đơn giữ để đối chiếu và chưa trả cho ông, điều này được nguyên đơn thừa nhận và nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án bản phô tô được Tòa án đối chiếu với bản chính của quyển sổ này.

Theo bản phô tô Giấy ghi nợ được đối chiếu bản chính, mà theo nguyên đơn trình bày là Sổ nợ do ông H ghi thể hiện nội dung:

Tổng nợ năm 2023 là 226.580.000

Tổng nợ đến 22/8/2024 72.940.000

Tổng nợ cũ + mới: 299.520.000

Ngày 23/8/2024, 15.000 x 580 = 8.700.000.

Ngày 26/8/2024, 15.000 x 580 = 8.700.000

Ngày 28/8/2024, 16.000 x 580 = 9.280.000

Tổng 326.200.000 đồng

Ngày 29/8/2024, chuyển khoản 48.000.000

Còn nợ 278.200.000 đồng

Ngày 03/9/2024, 15.000 x 580 = 8.700.000

Ngày 04/9/2024, 15.000 x 580 = 8.700.000

Ngày 05/9/2024, 15.000 x 580 = 8.670.000

Tổng 304.270.000

Ngày 15/9/2024, chuyển khoản 25.000.000

Còn nợ 279.270.000

Ngày 22/9/2024, 15.000 x 580 = 8.700.000

Tổng nợ 287.970.000

Ngày 26/9/2024, 15.000 x 580 = 8.700.000

Tổng 296.670.000

Ngày 29/9/2024, 16.000 x 580 = 9.280.000

Tổng 305.950.000

Ngày 02/10/2024, 16.000 x 580 = 9.280.000

Tổng 315.230.000

Ngày 08/10/2024 chuyển khoản 30.000.000

Tổng còn nợ 285.230.000

Ngày 10/10/2024, 14.500 x 580 = 8.410.000

Tổng 293.640.000

Ngày 13/10/2024, 15.000 x 580 = 8.700.000

Tổng 302.340.000

Ngày 21/10/2024 trả 60.000.000

Còn nợ 242.340.000

Như vậy, đối chiếu 02 sổ sách, giấy tờ trên, thì số tiền nợ đã chốt ngày 22/8/2024, những lần mua bán, trả tiền từ ngày 23/8/2024 đến ngày 21/10/2024 đều khớp ngày tháng, số tiền và tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 21/10/2024 là 242.340.000 đồng.

[3.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Hoài O trình bày, cha của bà là ông Trần Văn H có nhờ bà chuyển khoản trả nợ cho ông Đ và bà M 03 lần, bằng tài khoản số 0621000479898 đứng tên Trần Thị Hoài O mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam chuyển vào tài khoản số 104005727746 tên Phạm Văn Đ mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, cụ thể như sau:

Vào ngày 01/09/2024, chuyển khoản số tiền 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng).

Vào ngày 17/09/2024, chuyển khoản số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Vào ngày 08/10/2024, chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Những nội dung chuyển khoản này được nguyên đơn thừa nhận và cung cấp bản sao kê chi tiết giao dịch của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam từ ngày 01/9/2024 đến ngày 08/10/2024 đối với số tài khoản 104005727746 tên Phạm Văn Đ. Mặc dù bị đơn ông H không có ý kiến gì về nội dung này nhưng bà O thừa nhận đây là những khoản tiền của ông Trần Văn H mà ông H dùng chuyển vào tài khoản của ông Đ để trả nợ tiền mua gạch cho vợ chồng ông Đ. Giữa bà O và ông Đ hoàn toàn không có phát sinh giao dịch dân sự gì. Bên cạnh đó, 02 sổ nợ đều thể

hiện 03 lần chuyển khoản trả tiền này. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3.4] Mặc dù bị đơn cho rằng các bên chưa cùng nhau chốt lại nợ của khoản thời gian trên, nhưng việc ghi nợ và trả nợ của 02 quyển sổ đều được trình bày theo thứ tự thời gian liên tục và trùng khớp, không có việc thêm bớt chữ, chỉnh sửa. Bản thân bị đơn ông H thừa nhận ngày 21/10/2024, khi vợ chồng ông Đ đến nhà ông ở Võ Đất để thu nợ, ông H đã lấy sổ nợ ra đối chiếu và thanh toán 60.000.000 đồng tiền mặt, còn lại nợ 242.340.000 đồng. Trong sổ ghi nợ của nguyên đơn đều thể hiện những lần bị đơn trả nợ theo đúng thứ tự thời gian và số tiền trả như bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà O trình bày. Từ đó có thể khẳng định, việc mua bán ghi nợ của bị đơn đối với nguyên đơn là có thật và số tiền nợ tính đến ngày 21/10/2024 là 242.340.000 đồng.

[3.5] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn với tư cách cá nhân, không yêu cầu ai cùng chịu trách nhiệm trả nợ cùng bị đơn, đây là quyền yêu cầu của nguyên đơn. Quá trình tố tụng, bị đơn ông H không có ý kiến gì về việc nguyên đơn yêu cầu cá nhân ông H trả nợ. Từ đó xác định, việc ông Đ, bà M khởi kiện yêu cầu cá nhân ông Trần Văn H thanh toán số tiền nợ 242.340.000 đồng là có cơ sở theo quy định tại Điều 351, 352 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất:

[4.1] Về mức lãi suất: Quá trình mua bán và ghi nợ, các bên không thỏa thuận phải trả lãi đối với các khoản tiền ghi nợ tại thời điểm ghi nợ. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất chậm trả 10%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Thời gian tính lãi: Theo Sổ ghi nợ của nguyên đơn, đến ngày 21/10/2024, số tiền ông H còn nợ là 242.340.000 đồng, nhưng không có chữ ký xác nhận của ông H về số tiền này. Tuy nhiên, tại bản tường trình ngày 10/10/2025, ông H thừa nhận ngày 21/10/2024, vợ chồng ông Đ đến nhà ông ở Võ Đất để thu nợ, ông H lấy sổ nợ ra đối chiếu và thanh toán 60.000.000 đồng tiền mặt, còn lại nợ 242.340.000 đồng; trong tháng 4 năm 2025, vợ chồng ông Đ có đến nhà đòi nợ và yêu cầu ông H sớm sắp xếp trả tiền nếu không sẽ khởi kiện ra Tòa án và tính cả lãi, ông H có nói để thu hồi nợ rồi thanh toán. Điều này thể hiện lời trình bày của nguyên đơn cho rằng vào ngày 15/4/2025 có đến nhà ông H để yêu cầu thanh toán nợ là có căn cứ. Như vậy, trong tháng 4 năm 2025, ông Đ, bà M đã thông báo cho ông H phải thanh toán tiền nợ và bản thân ông H có biết số tiền còn nợ là 242.340.000 đồng. Tuy nhiên, vì không có căn cứ cho rằng việc thông báo trả tiền vào đúng ngày 15/4/2025 nên xác định thời điểm ông H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 01/5/2025 là phù hợp.

Ông H phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 01/5/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/12/2025 là 08 tháng (01 tháng bằng 30 ngày) trên số tiền chưa thanh toán là 242.340.000 đồng với mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) là đúng quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Số tiền lãi phải trả là 242.340.000 đồng x 0,83%/tháng x 08 tháng = 16.091.376 đồng.

Từ đó, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông Trần Văn H. Từ đó chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn H phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 351, 352, 353, 357, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Đ, bà Trần Thị M đối với ông Trần Văn H về Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Buộc ông Trần Văn H có trách nhiệm thanh toán cho ông Phạm Văn Đ, bà Trần Thị M số tiền 258.431.376 đồng (Hai trăm năm mươi tám triệu bốn trăm ba mươi mốt nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng), gồm: Tiền nợ gốc 242.340.000 đồng (Hai trăm bốn mươi hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) và tiền lãi 16.091.376 đồng (Mười sáu triệu không trăm chín mươi mốt nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn H phải chịu 12.921.569.000 đồng (Mười hai triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng).

- Trả lại cho ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị M toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 6.058.000 đồng (Sáu triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003676 ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**
- Đương sự (2);
- VKSND KV 17 – Lâm Đồng (1);
- Phòng THADS KV 17 – Lâm Đồng (1);
- TAND tỉnh Lâm Đồng (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Phan Thị Mỹ Dung**